

GIỚI THIỆU LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHXH&NV

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC

NGUYỄN THỊ KIỀU ANH. *Lý luận về thể loại tiểu thuyết trong nghiên cứu, phê bình văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX.*

Chuyên ngành: *Lý thuyết và lịch sử văn học*

Mã số: 5. 01. 04.

Văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX có những đặc điểm rất độc đáo và giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển của văn học nước nhà. Nó là sự chia tay với những đặc trưng của văn học truyền thống phương Đông đã được định hình trong nhiều thế kỷ trước, đồng thời là sự bắt đầu một quá trình mới - quá trình hiện đại hóa văn học, sự nhích lại gần, tiếp nhận và gập gờ với văn học hiện đại thế giới - trước hết là văn học phương Tây đương thời.

Thể loại tiểu thuyết vốn có vị trí kết thúc quan trọng, được xem như một bằng chứng nói lên sự phát triển của nền văn học hiện đại. Trong quá trình vận động và phát triển của thể loại tiểu thuyết, dường như ở thời đại nào, tiểu thuyết cũng là vấn đề được giới lý luận phê bình quan tâm. Trong bối cảnh chung đó, luận án *Lý luận về thể loại tiểu thuyết trong nghiên cứu, phê bình văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX* là công trình mang tính thời sự, giúp cho các thế hệ nghiên cứu, phê bình và sáng tác thể loại tiểu thuyết hôm nay “nhìn lại” quá trình phát triển tư duy lý luận về thể loại tiểu thuyết từ nửa đầu thế kỷ XX đến nay, khái quát lên những thành tựu và bài học về lý luận tiểu thuyết trong nghiên cứu, phê bình văn học quá khứ, đồng thời rút ra những nhiệm vụ cần thiết cho việc phát triển một thể loại có vị trí hàng đầu trong quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam,

tạo tiền đề cho sự phát triển của thể loại trong lý luận, sáng tác cũng như trong tiếp nhận của người đọc hiện đại.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung luận án được chia làm 4 chương.

Chương 1, *Những tiền đề xã hội-văn hoá ảnh hưởng đến sự ra đời của tiểu thuyết viết bằng chữ quốc ngữ* (tr.18-56).

Ở góc nhìn lịch sử-loại hình, tác giả xác lập tương quan logic của tư duy lý luận về tiểu thuyết ở nước ta trong bối cảnh đời sống văn hoá-xã hội đương thời; tập trung phân tích các nguồn mạch thúc đẩy sự ra đời của tiểu thuyết quốc ngữ - tức đối tượng của hoạt động tự ý thức của tư duy lý luận về nó. Đó là:

- Sự phát triển của môi trường đô thị đã tạo ra “những điều kiện đầu tiên và sơ đẳng nhất” để hình thành những đổi khác, mới mẻ về nhu cầu thưởng thức và khả năng sáng tạo văn học theo hướng hiện đại.

- Những thay đổi trong việc phổ biến và phát huy tác dụng của chữ quốc ngữ trong đời sống xã hội đầu thế kỷ XX, khiến chữ quốc ngữ trở thành một phương tiện góp phần làm nảy sinh một thể loại văn học mới là tiểu thuyết (tr.26).

- Sự ra đời và phát triển của báo chí, đặc biệt là báo chí viết bằng chữ quốc ngữ, với việc đăng tải các tác phẩm văn học đủ loại, đủ mức độ từng bước định hình một thứ ngôn ngữ văn học mới, hình thành thói quen tiêu thụ văn học bằng chữ quốc ngữ và góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển thể loại tiểu thuyết mới trong văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX.

- Sự ảnh hưởng của tiểu thuyết Trung Hoa và tiểu thuyết phương Tây (tr.40-48).

- Sự “xuất hiện những loại hình tác giả đặc thù chưa từng có trong quá khứ cũng

không xuất hiện trở lại trong những thời kỳ tiếp theo có ý nghĩa lớn trong công cuộc hiện đại hoá văn học dân tộc và đã góp một phần không nhỏ tới sự hình thành và phát triển của thể loại tiểu thuyết mới” (tr.48).

Từ những nội dung phân tích trên, tác giả đã giúp người đọc không chỉ thấy rõ diện mạo của một thời kỳ lịch sử-xã hội, mà còn thấy được mối quan hệ của những tiền đề ấy với sự hình thành, vận động của văn học mới nói chung, của thể loại tiểu thuyết văn xuôi chữ quốc ngữ nói riêng thời kỳ đầu thế kỷ XX.

Chương 2, *Quan niệm chung về tiểu thuyết trong nghiên cứu, phê bình văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX* (tr.57-91), tập trung làm rõ các nội dung khái niệm về tiểu thuyết; phân loại tiểu thuyết và quan niệm của nhà văn về tiểu thuyết.

Khảo sát ý kiến của các nhà văn, nhà nghiên cứu phê bình văn học đầu thế kỷ XX, tác giả chỉ ra hai giai đoạn trong cách hiểu về “khái niệm tiểu thuyết”. Tác giả nhận xét, trước năm 1920, trên cơ sở tiếp xúc, tiếp nhận từ tiểu thuyết Trung Hoa và tiểu thuyết phương Tây, chỉ có những cảm nhận mà chưa có sự trình bày hệ thống, chưa có những khái quát lý thuyết về thể loại tiểu thuyết. Tuy nhiên, qua các lời bạt, lời tựa, lời giới thiệu một số tiểu thuyết cụ thể ra đời cuối thế kỷ XIX-đầu thế kỷ XX, có thể hiểu được quan niệm giai đoạn này về đặc điểm của “tiểu thuyết”, là những tác phẩm bắt nguồn từ sự thực vốn có trong đời sống và được thể hiện bằng ngôn ngữ hàng ngày của nhân dân (tr.60). Từ sau những năm 1920, với nhiều bài nghiên cứu, phê bình, chuyên luận bàn về tiểu thuyết của Phạm Quỳnh, Thiều Sơn, Thạch Lam, Vũ Bằng..., cách hiểu về tiểu thuyết được trình bày cụ thể hơn từ nhiều hướng tiếp cận khác nhau; nhiều vấn đề lý luận và kỹ thuật thể loại đã được bàn khá sâu. Lý luận tiểu thuyết nửa đầu thế kỷ XX đã xác định “tiểu thuyết” là một thể loại văn học mới

hình thành ở Việt Nam, khác với tiểu thuyết cổ điển phương Đông trên nhiều phương diện. Đó là loại tác phẩm tự sự viết bằng quốc ngữ, là sản phẩm của hoạt động sáng tạo hư cấu của nhà văn, nhằm mô tả chân thực, sinh động cuộc sống của nhân dân. Dù còn ở mức độ sơ khai, cách hiểu về khái niệm “tiểu thuyết” giai đoạn này đã đánh dấu một bước ngoặt trong tư duy lý luận của các nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình.

Về phân loại tiểu thuyết, tác giả trình bày và đưa ra nhận xét 4 cách phân loại tiêu biểu dựa trên quan điểm của Phạm Quỳnh, Vũ Bằng, Thạch Lam, Vũ Ngọc Phan. Cách phân loại của Phạm Quỳnh dựa trên ý nghĩa (tiểu thuyết lịch sử, về triết học, về xã hội, về tâm lý); dựa vào đặc điểm hình thức (tiểu thuyết tự sự, bằng thư trát, bằng nhật ký, tả chân, lý tưởng, ngụ ngôn, cảm hoài, hoặc xen nhau); dựa trên tính chất (tiểu thuyết ngôn tình, tả thực, truyền kỳ); dựa trên dung lượng tác phẩm (trường thiên, đoản thiên tiểu thuyết). Thạch Lam không gọi tên cụ thể, nhưng phân biệt loại tiểu thuyết giải quyết các vấn đề luân lý, đạo đức, chịu ảnh hưởng của thi pháp tự sự dân gian, khác với tiểu thuyết mô tả hiện thực gắn sát với thực tại khách quan đang trôi chảy, vận động. Vũ Bằng cho rằng tiểu thuyết tập trung vào hai loại: truyện quái đản bất kinh và truyện gần đời thiết thực. Vũ Ngọc Phan phân chia tiểu thuyết thành 9 loại: tiểu thuyết phong tục, tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết luân lý, tiểu thuyết truyền kỳ, tiểu thuyết phóng sự, tiểu thuyết hoạt kê, tiểu thuyết tả chân, tiểu thuyết xã hội, tiểu thuyết tình cảm và tiểu thuyết trinh thám. Tác giả luận án cũng so sánh, liên hệ với các cách phân loại tiểu thuyết của nước ngoài và nêu ra những nhận xét cụ thể (tr.74, 75).

Ngoài ra tác giả còn hệ thống hoá lại ý kiến của các nhà nghiên cứu về các vấn đề như “tài năng và nhân cách” của nhà văn,

về dấu ấn của nhà văn để lại trong tác phẩm, đặc biệt là khả năng quan sát và cảm hứng sáng tạo của người cầm bút.

Chương 3, *Vấn đề hiện thực và nghệ thuật viết tiểu thuyết* (tr.93-150).

Ở chương này, tác giả tập trung nghiên cứu, làm rõ mối quan hệ giữa tiểu thuyết và hiện thực đời sống (tr.94-112). Xuất phát từ “quan niệm tiểu thuyết bắt nguồn từ những sự thực vốn có trong đời sống hồi đầu thế kỷ XX, quan niệm về hiện thực của các tác giả tiểu thuyết thuộc các trào lưu văn học lãng mạn và hiện thực, qua hai cuộc tranh luận “nghệ thuật vị nghệ thuật” hay “nghệ thuật vị nhân sinh” và “dám hay không dám”, để từ những thắng thế của phái tả chân, nhận xét những bước tiến của tư duy tiểu thuyết nửa đầu thế kỷ XX “ngày càng tiến gần với tư duy lý luận hiện đại trong vấn đề phản ánh hiện thực” (tr.115).

Về nghệ thuật viết tiểu thuyết, tác giả luận án tìm hiểu những quan niệm về xây dựng nhân vật tiểu thuyết (loại bỏ nhân vật đại biểu của tiểu thuyết truyền thống; coi trọng mối quan hệ giữa tính cách và hoàn cảnh; đi sâu khám phá và thể hiện thế giới nội tâm nhân vật, tôn trọng logic nội tại của nhân vật); về tổ chức cốt truyện của tiểu thuyết (bên cạnh ý kiến của Phạm Quỳnh, Vũ Ngọc Phan coi trọng cốt truyện như đường dây sự kiện, có ý kiến của Thạch Lam, Vũ Bằng, Trương Chính... cho rằng tiểu thuyết không cần cốt truyện mà cần coi trọng tâm lý nhân vật); về kết cấu của tiểu thuyết (gắn với trình độ hư cấu, tổ chức tác phẩm của nhà văn, càng về sau, quan niệm càng gần với tư duy lý luận hiện đại); về ngôn ngữ tiểu thuyết (có nhiều ý kiến bàn về tính chân thực, tính nghệ thuật, sự phong phú của ngôn từ; bắt đầu quan tâm đề cập tới cách sử dụng từ ngữ, giọng điệu trần thuật...). Tác giả cho rằng, những điều đó chứng tỏ sự phát triển trong tư duy lý luận thể loại của nghiên cứu, phê bình văn

học giai đoạn này.

Chương 4, *Vấn đề bạn đọc tiểu thuyết và phê bình tiểu thuyết* (tr.152-190).

Theo tác giả, đây cũng là những phạm vi thể hiện sự vận động của quan niệm lý thuyết về tiểu thuyết. Dù còn sơ sài, chưa mang tính hệ thống, nhưng những ý kiến của Phạm Quỳnh, Thạch Lam, Vũ Bằng... đã chú ý tới vai trò và hoạt động của “người đọc tiểu thuyết” đối với sự tồn tại của tác phẩm. Khác với những giai đoạn trước nửa đầu thế kỷ XX, hoạt động lý luận phê bình hoặc viết dưới hình thức những bài báo, hoặc tập hợp thành sách, nhưng phần lớn đã vượt qua lối bình phẩm vắn tắt thời kỳ trung đại, trở nên bài bản và “có nghề” hơn. Các xu hướng phê bình giai đoạn này đã được chú ý nhận diện từ đương thời (tiêu biểu như Kiều Thanh Quế) cũng như trong nghiên cứu sau này.

Dựa trên một số tiêu chí xác định về nội dung, hình thức cụ thể, tác giả luận án khái quát thành 4 khuynh hướng phê bình tiểu thuyết: phê bình theo khuynh hướng truyền thống; phê bình thiên về phong cách nghệ thuật; phê bình theo khuynh hướng điểm sách; phê bình theo khuynh hướng sáng tác và phê bình bút chiến.

Ở cuối chương, tác giả trình bày về “đội ngũ các nhà phê bình tiểu thuyết” (tr.180-190) qua các chặng: đầu thế kỷ XX-1930; từ 1930-1945 (bao gồm các nhóm học giả: Thiều Sơn, Hải Triều, Trương Chính, Vũ Ngọc Phan, Kiều Thanh Quế, Lê Thanh và nhóm các nhà sáng tác; Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, Vũ Bằng, Trương Chính, Lan Khai, Mộng Sơn viết phê bình).

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm Luận án cấp Nhà nước, họp ngày 10/12/2005 tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHẠM THU HOA
giới thiệu